

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 7 - 2022

*“V/v: Tranh chấp hôn nhân
và gia đình”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thế Chiến

2. Ông Vũ Kim Quy

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Bảo Thụy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

Đại diện VKSND huyện Krông Ana tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhất – Kiểm sát viên.

Ngày 18/7/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Ana xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 16/2022/TLST- HNGĐ ngày 21/02/2022 về việc: *“Tranh chấp hôn nhân và gia đình”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2022/QĐST-HNGĐ ngày 01/7/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn Q, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Trần Nhật L, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Buôn R, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/02/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:** Tôi với anh Nguyễn Trần Nhật L kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 06/4/2018 tại UBND thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống, vợ chồng tôi sống hạnh phúc đến thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình, quan điểm sống không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã. Đến nay mâu thuẫn quá trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên tôi đề nghị Tòa giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Trần Nhật L.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng tôi có một con chung là cháu Nguyễn Cao K, sinh ngày 20/02/2019. Khi ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tôi không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chúng tôi không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Chúng tôi không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Trần Nhật L: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án và giấy triệu hợp lệ nhiều lần nhưng anh Nguyễn Trần Nhật L không đến Tòa án làm việc. Qua xác minh tại địa phương thì được biết anh Nguyễn Trần Nhật L hiện đang cư trú tại Buôn R, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Tuy nhiên, anh Nguyễn Trần Nhật L không đến Tòa án để tham gia tố tụng nên Tòa án không lấy lời khai của anh Nguyễn Trần Nhật L được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana phát biểu ý kiến: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”. Bị đơn cư trú tại huyện K nên Tòa án nhân dân huyện Krông Ana thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử trong thời hạn luật định, đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tư cách tham gia tố tụng: Xác định nguyên đơn chị Nguyễn Thị D, bị đơn anh Nguyễn Trần Nhật L là đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thu thập chứng cứ Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình và khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị D, cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Trần Nhật L.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Cao K, sinh ngày 20/02/2019 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị D không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Chị Nguyễn Thị D xác định chị và anh Nguyễn Trần Nhật L không có tài sản và nợ chung, nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Nguyễn Thị D khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Trần Nhật L. Đây là quan hệ tranh chấp “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”. Bị đơn anh Nguyễn Trần Nhật L cư trú tại: Buôn R, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn anh Nguyễn Trần Nhật L, nhưng anh L không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai và hòa giải được. Vì vậy, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Trần Nhật L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Trần Nhật L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 06/4/2018 tại UBND thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn chị D và anh L chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cung cấp: Vợ chồng chị D, anh L có mâu thuẫn, nguyên nhân là tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xảy ra xung đột, cãi vã.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh L đã trầm trọng và kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần áp dụng Điều 56 luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị D là phù hợp.

[4] Về con chung: Chị D và anh L có một con chung là Nguyễn Cao K, sinh ngày 20/02/2019.

Hiện nay, cháu Nguyễn Cao K đang còn nhỏ và ở với mẹ; do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị D, giao cháu Nguyễn Cao K cho chị D nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị D không có yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Trần Nhật L không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên xử:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị D, chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Nguyễn Trần Nhật L.

- **Về con chung:** Giao con chung Nguyễn Cao K, sinh ngày 20/02/2019 cho chị Nguyễn Thị D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu nên không giải quyết

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung:** Chị D không có yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên không giải quyết

[3] **Về án phí:** Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000^d đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K theo biên lai thu tiền số: 7417 ngày 16 tháng 02 năm 2022. Anh Nguyễn Trần Nhật L không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THADS;
- UBND tt B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Anh Tuấn